

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM YÊN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **118/2020/HNGĐ-ST**

Ngày 05 /6/2020

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mạc Văn Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Hoàng Văn Bốn - Cán bộ hưu trí.

2. Ông: Bà Lý Bích Phụng - Giáo viên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Diệu Thương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đức Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 05/6/2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 65/2020/TLST- HNGĐ, ngày 10 tháng 3 năm 2020, về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/QĐST- HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị V, sinh năm 1990;

- *Bị đơn:* Anh Triệu Văn T, sinh năm 1984;

Cùng địa chỉ: Thôn 8, xã P, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị V có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đặng Thị Vui trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Triệu Văn T chung sống với nhau từ năm 2009 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương. Đến ngày 01/12/2011 mới tiến hành đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung vợ chồng ban đầu hạnh phúc, đến năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, khi mâu thuẫn xảy ra vợ chồng hay cãi chửi nhau, thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay, trong thời gian sống ly thân vợ chồng không quan tâm gì đến nhau. Nay chị xác định

không còn tình cảm vợ chồng với anh T, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Triệu Văn T.

- *Về con chung*: Chị và anh T có 01 con chung là cháu Triệu Văn T1, sinh ngày 27/8/2012. Khi ly hôn chị nhất trí để anh T được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu T1 đến khi trưởng thành.

- *Về tài sản chung*: Chị V xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- *Về vay nợ chung*: Chị V xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

* *Bị đơn anh Triệu Văn T vắng mặt, nhưng tại biên bản lấy lời khai anh T trình bày (bút lục số 23)*:

Anh và chị Đặng Thị V chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Đến ngày 01/12/2011 mới tiến hành đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do chị V đi làm ăn xa nên rạn nứt tình cảm, thực tế vợ chồng sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Anh T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể đoàn tụ gia đình được, do vậy nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của chị V.

- *Về con chung*: Anh và chị V có 01 con chung là cháu Triệu Văn T1, sinh ngày 27/8/2012, hiện nay cháu đang ở cùng anh. Khi ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu T1 đến khi trưởng thành và không yêu cầu chị V phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản và vay nợ chung*: Anh T xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

* *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến*:

- *Về tố tụng*: Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đối với bị đơn chưa chấp hành việc triệu tập của Tòa án. Quá trình giải quyết vụ án anh T nhất trí ly hôn, nhưng Tòa án báo gọi nhiều lần anh T không đến tham gia hòa giải dẫn đến việc không hòa giải được và phải đưa vụ án ra xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

- *Về nội dung*: Chị V và anh T kết hôn với nhau năm 2011 có đăng ký kết hôn tại UBND xã P ngày 01/12/2011, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Hiện chị V và anh T sống ly thân, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị V và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào các quy định của Luật hôn nhân và gia đình đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị V và xử cho chị Đặng Thị V được ly hôn với anh Triệu Văn T. Về con chung đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Triệu Văn T1, sinh ngày 27/8/2012 cho anh Triệu Văn T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị V phải chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn chị Đặng Thị V có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn anh Triệu Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Đặng Thị V và anh Triệu Văn T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009 có đăng ký kết hôn ngày 01/12/2011 tại UBND xã P, huyện Hàm Y, tỉnh Tuyên Quang, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Như vậy hôn nhân giữa chị Đặng Thị V và anh Triệu Văn T là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án chị V xác định cuộc sống chung vợ chồng ban đầu hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Khi mâu thuẫn xảy ra vợ chồng không thể hòa hợp được, nên vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2016 đến nay, trong thời gian sống ly thân vợ chồng không quan tâm gì đến nhau.

Hội đồng xét xử thấy rằng do bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng giữa chị V và anh T. Khi mâu thuẫn xảy ra vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay, trong thời gian sống ly thân vợ chồng không quan tâm gì đến nhau. Vì vậy có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị V và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể tồn tại được một gia đình ấm no, bình đẳng, hạnh phúc và tiến bộ. Ngoài ra thấy rằng quá trình giải quyết vụ án anh T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể qua về đoàn tụ gia đình và nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của chị V. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị V với anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 - Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị V và anh T có 01 con chung là cháu Triệu Văn T1, sinh ngày 27/8/2012, hiện nay cháu đang sinh sống cùng với anh T. Anh T có nguyện vọng sau khi ly hôn được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu T1 đến khi trưởng thành, chị V cũng nhất trí để anh T nuôi dưỡng con chung, ngoài ra nguyện vọng của cháu T1 là được ở với anh T. Do vậy để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của cháu Triệu Văn T1, Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao cháu Triệu Văn T1 cho anh Triệu Văn T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật. Do anh T không yêu cầu chị V phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản chung*: Chị V xác định tự thỏa thuận, anh T xác định không có và đều không yêu cầu giải quyết khi ly hôn, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về vay nợ chung*: Các đương sự cùng xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí*: Chị Đặng Thị Vui phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 28; 147; 207; 227; 228; 235; 238; 266; 267; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên xử:**

- *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Đặng Thị V được ly hôn với anh Triệu Văn T.

- *Về con chung*: Giao cháu Triệu Văn T, sinh ngày 27/8/2012 cho anh Triệu Văn T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Chị Đặng Thị V không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

- *Về án phí*: Chị Đặng Thị V phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0002004, ngày 10/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, chị Vui đã nộp đủ án phí.

Anh Triệu Văn T không phải chịu án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được hay niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Chi cục T.H.A DS huyện Hàm Yên;
- UBND xã Yên Phú (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mạc Văn Tuyền

1

